

Bản án số: 02/2021/DS-ST

Ngày 28-01-2021

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Công Định

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Ngọc Giới

Ông Nguyễn Hữu Thái

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Thân Mạnh Thắng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thẩm thụ lý số: 44/2020/TLST-DS ngày 28 tháng 05 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2020/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2020/QĐST-DSTC ngày 30/11/2021, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 14/2020/QĐST-DSTC ngày 30/12/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đào Thị H, sinh năm 1949 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 86, phố T, TT Đ, huyện LN, tỉnh BG.

Ủy quyền tham gia tố tụng cho: Công ty Luật TNHH Khang Thái do luật sư Trần Đại P – Giám đốc đại diện (vắng mặt)

Địa chỉ: Tòa nhà CT4-1, KĐT M, đường P, phường M, quận N, TP HN.

Bị đơn: Anh Trần Văn K, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn G, TT Đ, huyện LN, tỉnh BG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 13/05/2020 cùng các lời khai nguyên đơn bà Đào Thị H trình bày: Trong khoảng thời gian từ 01/07/2010 đến ngày 21/09/2011, do tin tưởng bà có cho vợ chồng anh Trần Văn K và chị Nguyễn Thị L vay số tiền là 1.350.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng), cụ thể:

- Ngày 09/06/2010 anh K, chị L vay số tiền 100.000.000 đồng;

- Ngày 10/06/2010 anh K, chị L vay số tiền 200.000.000 đồng;
- Ngày 01/07/2010 anh K, chị L vay số tiền 30.000.000 đồng;
- Ngày 07/07/2010 anh K, chị L vay số tiền 20.000.000 đồng;
- Ngày 01/10/2010 anh K, chị L vay số tiền 10.000.000 đồng;
- Ngày 06/01/2011 anh K, chị L vay số tiền 250.000.000 đồng;
- Ngày 11/03/2011 anh K, chị L vay số tiền 10.000.000 đồng;
- Ngày 23/04/2011 anh K, chị L vay số tiền 250.000.000 đồng;
- Ngày 17/05/2011 anh K, chị L vay số tiền 320.000.000 đồng;
- Ngày 17/07/2011 anh K, chị L vay số tiền 40.000.000 đồng;
- Ngày 29/08/2011 anh K, chị L vay số tiền 20.000.000 đồng;
- Ngày 21/09/2011 anh K, chị L vay số tiền 100.000.000 đồng;

Khi vay hai bên có viết giấy tờ vay nợ, và chị L, anh K có ký tên vào giấy tờ vay nợ và không ấn định thời hạn trả nợ mà chỉ thỏa thuận khi nào bà cần tiền thì thông báo trước cho vợ chồng anh K, chị L 02 – 03 ngày thì vợ chồng anh K chị L sẽ trả, lãi suất hai bên thỏa thuận là 03%/tháng.

Trong thời gian anh K, chị L vay tiền của bà từ 01/7/2010 đến 26/11/2011 thì anh K, chị L đã thanh toán trả cho bà được 400.000.000 đồng tiền gốc. Ngoài ra, anh K, chị L chưa thanh toán trả bà khoản tiền nào khác. Kể từ ngày 26/11/2011 cho đến nay bà rất nhiều lần sang yêu cầu vợ chồng anh K, chị L phải thanh toán trả bà số tiền đã vay, tuy nhiên, vợ chồng anh K, chị L cứ khất lần nhiều lần không trả. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh K, chị L phải trả bà số tiền nợ gốc là 950.000.000 đồng (Chín trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi của khoản tiền nợ gốc tính từ ngày 26/11/2011 đến ngày xét xử (28/01/2021) với mức lãi suất là 10%/năm là 871.055.000 đồng (Tám trăm bảy mươi triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng số tiền là 1.821.055.000 đồng (Một tỉ, tám trăm hai mươi triệu, không trăm năm mươi đồng)

Tại phiên tòa hôm nay bà Huấn rút một phần yêu cầu khởi kiện, bà chỉ yêu cầu vợ chồng anh K, chị L phải trả bà số tiền gốc là 950.000.000 đồng còn số tiền lãi bà rút yêu cầu không yêu cầu vợ chồng anh K, chị L trả bà nữa.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày: Vợ chồng chị và bà Huấn là hàng xóm của nhau, về những giấy tờ vay nợ như bà Huấn khởi kiện vợ chồng chị, chị xác định là đúng, những chữ ký trên giấy tờ vay nợ đó là do chị và chồng chị là anh K ký. Khi vay nợ hai bên có viết giấy vay nợ, không ghi lãi suất và không hẹn thời hạn trả, chỉ thỏa thuận lãi suất bên ngoài là 2000đồng/1.000.000 đồng/ngày. Khi nào bà Huấn cần tiền thì báo trước vợ chồng chị sẽ trả. Kể từ khi vay tiền thì hàng tháng vợ chồng chị vẫn trả tiền lãi cho bà Huấn đến năm 2012 thì không trả nữa. Còn số tiền cụ thể chị trả bao nhiêu cho bà Huấn thì chị không nhớ. Đến đầu năm 2020, mẹ chồng chị bán nhà, bà Huấn tưởng vợ chồng chị bán nhà nên có sang đòi tiền chị, nhưng vợ chồng chị không có tiền trả nên bà Huấn khởi kiện vợ chồng chị tới Tòa án. Nay bà Huấn khởi kiện chị phải trả cho bà Huấn số tiền gốc là 950.000.000 đồng và tiền lãi của khoản tiền vay này tính từ ngày 26/11/2011 đến khi xét xử với mức lãi suất là 10%/năm. Quan điểm của chị là chị thừa nhận vợ chồng chị có nợ bà Huấn nhưng số tiền là 950.000.000 đồng chị xác định là không đúng, chị xác nhận có nợ tiền bà Huấn và đồng ý trả bà Huấn nhưng con số cụ thể thì chị không xác định được, khi nào đối chất với

bà Huân chị sẽ cung cấp cho Tòa án. Việc bà Huân khởi kiện và các giấy tờ của Tòa án gửi cho vợ chồng chị, chị có thông báo cho chồng chị biết, hiện chồng chị không có mặt tại địa phương mà đang làm việc tại Hạt giao thông số 4, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh.

Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị L vắng mặt.

Bị đơn là anh Trần Văn K trình bày: Anh là chồng chị Nguyễn Thị L, việc chị L vay tiền của bà Huân anh có biết và anh có ký vào một số giấy tờ vay nợ, còn việc vợ chồng anh còn nợ bà Huân bao nhiêu tiền và đã trả được bao nhiêu tiền thì anh không nắm được vì vợ anh và bà Huân là người giao dịch trực tiếp, nay bà Huân khởi kiện vợ chồng anh phải trả bà Huân số tiền 950.000.000 đồng và tiền lãi của khoản tiền vay này tính từ ngày 26/11/2011 đến khi xét xử với mức lãi suất là 10%/năm quan điểm của anh là vợ chồng anh có nợ bà Huân, còn số tiền cụ thể anh không nắm rõ, anh đồng ý trả tiền bà Huân nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên anh đề nghị bà Huân cho anh trả dần. Anh có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa chấp hành nghiêm chỉnh đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ:

Căn cứ Khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều Bộ luật dân sự 2015

Căn cứ Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 158; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị H

Buộc vợ chồng anh Trần Văn K, chị Nguyễn Thị L phải trả cho bà Đào Thị H số tiền gốc là 950.000.000 đồng.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề xuất giải quyết án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị L, anh Trần Văn K đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt các văn bản theo quy định

của pháp luật. Tại phiên Tòa hôm nay anh K, chị L vắng mặt lần 2 không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu trả nợ gốc và nợ lãi của bà Đào Thị H, HĐXX thấy:

[2.1.1] Về yêu cầu trả tiền gốc: Từ ngày 09/06/2010 đến ngày 21/09/2011 bà Đào Thị H có cho vợ chồng anh Trần Văn K, chị Nguyễn Thị L vay tổng số tiền là 1.350.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng), khi vay hai bên có viết giấy tiền, lãi suất do hai bên thỏa thuận ngoài, thời hạn trả là khi nào bà Huấn yêu cầu trả thì vợ chồng anh K, chị L trả. Kể từ ngày 26/11/2011 cho đến nay bà Huấn đã đến yêu cầu vợ chồng anh K, chị L thanh toán trả nợ nhiều lần nhưng anh K, chị L không trả. Xác định đây là giao dịch dân sự hợp pháp, hợp đồng vay tài sản không có kỳ hạn, có lãi. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L cho rằng chị hiện còn nợ bà Huấn ít hơn số tiền 950.000.000 đồng tiền gốc mà bà Huấn khởi kiện, Tòa án đã tiến hành mở các buổi đối chất tuy nhiên chị L vắng mặt, chị L cũng không cung cấp được cho Tòa án chứng cứ chứng minh cho ý kiến trình bày của mình. Do đó việc bà Huấn yêu cầu vợ chồng anh K, chị L trả số tiền nợ gốc là 950.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận theo Điều 463, khoản 5 Điều 466, Điều 470 BLDS.

[2.1.2] Về yêu cầu tính lãi của khoản tiền gốc 950.000.000 đồng tại phiên tòa bà Huấn rút yêu cầu này, việc rút yêu cầu của bà Huấn là hoàn toàn tự nguyện, do đó, HĐXX không xem xét giải quyết về yêu cầu tính lãi của khoản tiền vay của bà Huấn.

Do đó, Buộc vợ chồng anh K, chị L phải trả cho bà Huấn số tiền nợ gốc là 950.000.000 đồng.

[2.2] Thời điểm ký giấy vay tiền bà Đào Thị H, anh Trần Văn K và chị Nguyễn Thị L là vợ chồng, việc vay tiền của bà Huấn của anh K, chị L là sử dụng số tiền này vào mục đích chung của gia đình. Do đó, buộc vợ chồng anh K, chị L phải có trách nhiệm chung thanh toán khoản tiền đã vay cho bà Đào Thị H là đảm bảo theo Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn là anh Trần Văn K, chị Nguyễn Thị L phải chịu toàn bộ án phí DSST theo Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39;

Điều 147; Điều 157; Điều 158; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị H:

Buộc vợ chồng anh Trần Văn K, chị Nguyễn Thị L phải trả cho bà Đào Thị H số tiền gốc là 950.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Anh Trần Văn K, chị Nguyễn Thị L phải chịu 40.500.000 đồng án phí DSST.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Công Định